

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1499 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Thẻ thẩm định viên về giá

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính Quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá;

Căn cứ Thông báo số 34/TB-HĐT ngày 27/01/2023 và Thông báo số 185/TB-HĐT ngày 12/5/2023 của Hội đồng thi thẩm định viên về giá về kết quả phúc khảo Kỳ thi thẩm định viên về giá lần thứ 15, Danh sách thí sinh có kết quả thi đủ điều kiện xét cấp Thẻ thẩm định viên về giá;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Thẻ thẩm định viên về giá cho các thí sinh đủ điều kiện cấp thẻ tại kỳ thi thẩm định viên về giá do Hội đồng thi thẩm định viên về giá kỳ thi lần thứ 15 của Bộ Tài chính tổ chức (danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Quản lý giá tổ chức trao Thẻ thẩm định viên về giá cho các thí sinh có tên tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Quản lý giá, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội Thẩm định giá Việt Nam;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục QLГ;
- Lưu: VT, QLГ. (170)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Nguyễn Đức Chi

DANH SÁCH CẤP THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ KỲ THI THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LẦN THỨ 15
(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên	Số CCCD/ CMND/HC	Ngày cấp	Nơi cấp	Ngày sinh	Quê quán	Số thẻ TĐV
1	Tạ Thị Lan Anh	017138106	12/11/2009	Công an TP. Hà Nội	06/03/1992	Hà Nội	XV23.2354
2	Nguyễn Việt Anh	038088008189	14/12/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	20/11/1988	Thanh Hóa	XV23.2355
3	Vũ Tuấn Anh	036085001047	19/10/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	28/11/1985	Nam Định	XV23.2356
4	Vũ Thị Anh	030191005360	14/10/2019	Cục CS QLHC về TTXH	23/11/1991	Hải Dương	XV23.2357
5	Văn Bá Ân	040093013038	08/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH	28/3/1993	Nghệ An	XV23.2358
6	Vũ Tất Ban	142721187	01/07/2009	Công an tỉnh Hải Dương	11/06/1994	Hải Dương	XV23.2359
7	Nguyễn Duy Bảo	225801814	27/07/2016	Công an tỉnh Khánh Hòa	8/10/1987	Bình Định	XV23.2360
8	Nguyễn Thị Thái Bình	194402254	18/05/2015	Công an tỉnh Quảng Bình	22/10/1991	Quảng Bình	XV23.2361
9	Ninh Đức Công	163178815	09/06/2009	Công an tỉnh Nam Định	03/09/1993	Nam Định	XV23.2362
10	Bùi Minh Cường	040088042667	17/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	01/08/1988	Nghệ An	XV23.2363
11	Nguyễn Kiên Cường	015089000135	25/09/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	24/12/1989	Thái Bình	XV23.2364
12	Trương Việt Cường	352169861	21/10/2016	Công an tỉnh An Giang	24/05/1995	An Giang	XV23.2365
13	Hoàng Mạnh Cường	033091005180	24/03/2020	Cục CS QLHC về TTXH	11/08/1991	Hưng Yên	XV23.2366
14	Nguyễn Thanh Chinh	C4890201	30/03/2018	Cục Quản lý xuất nhập cảnh	27/02/1995	Bắc Ninh	XV23.2367

15	Nguyễn Thị Hoài Diễm	205433471	12/05/2006	Công an tỉnh Quảng Nam	20/05/1990	Quảng Nam	XV23.2368
16	Nguyễn Xuân Dũng	125466109	03/09/2008	Công an tỉnh Bắc Ninh	27/03/1991	Bắc Ninh	XV23.2369
17	Lê Tuấn Dũng	112448048	14/07/2009	Công an TP. Hà Nội	23/03/1990	Hà Nội	XV23.2370
18	Lê Tiến Dũng	001095017102	22/06/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	22/01/1995	Hà Nội	XV23.2371
19	Nguyễn Quang Dũng	001093002718	26/06/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	26/02/1993	Hà Nội	XV23.2372
20	Nguyễn Thị Thùy Dương	186280669	14/05/2011	Công an tỉnh Nghệ An	08/04/1986	Hà Tĩnh	XV23.2373
21	Trần Thị Thùy Dương	025782000	16/12/2013	Công an TP. Hồ Chí Minh	19/12/1985	Hung Yên	XV23.2374
22	Lê Quốc Dương	331849086	26/09/2017	Công an tỉnh Vĩnh Long	30/08/1995	Trà Vinh	XV23.2375
23	Nguyễn Đăng Đạt	001086007979	01/09/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	08/02/1986	Hà Nội	XV23.2376
24	Giang Thành Đạt	079089004545	12/01/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	10/01/1989	Trung Quốc	XV23.2377
25	Trần Tiến Đạt	101050899	01/06/2015	Công an tỉnh Quảng Ninh	09/04/1991	Quảng Ninh	XV23.2378
26	Vũ Hữu Đạt	C2556484	06/01/2017	Cục Quản lý xuất nhập cảnh	22/10/1994	TP Hồ Chí Minh	XV23.2379
27	Trần Tiến Đạt	240981248	03/05/2018	Công an tỉnh Đắk Lắk	20/10/1987	Thừa Thiên Huế	XV23.2380
28	Nguyễn Vũ Định	001093018626	11/05/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	23/02/1993	Hung Yên	XV23.2381
29	Trần Huy Đoàn	163103112	24/12/2007	Công an tỉnh Nam Định	19/08/1991	Nam Định	XV23.2382
30	Phan Khánh Đô	312033149	28/08/2009	Công an tỉnh Tiền Giang	17/08/1990	Tiền Giang	XV23.2383
31	Phan Văn Đồng	187226166	17/10/2018	Công an tỉnh Nghệ An	22/04/1993	Nghệ An	XV23.2384

33	Bùi Đình Đức	261147902	08/06/2020	Công an tỉnh Bình Thuận	16/09/1990	Thái Bình	XV23.2386
34	Đỗ Ngọc Giang	037092000819	15/06/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	25/07/1992	Ninh Bình	XV23.2387
35	Phan Anh Giáp	C2006833	26/07/2016	Cục Quản lý xuất nhập cảnh	12/02/1994	Tuyên Quang	XV23.2388
36	Nguyễn Hữu Giới	186837673	11/01/2011	Công an tỉnh Nghệ An	03/08/1991	Nghệ An	XV23.2389
37	Lê Thanh Hải	038085015202	07/11/2018	Cục CS QLHC về TTXH	02/02/1985	Thanh Hóa	XV23.2390
38	Phạm Thanh Hải	135622023	04/08/2009	Công an tỉnh Vĩnh Phúc	11/08/1992	Vĩnh Phúc	XV23.2391
39	Nguyễn Thị Thu Hiền	056180001177	27/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	17/10/1980	Hà Tĩnh	XV23.2392
40	Nguyễn Văn Hiếu	183893524	28/04/2017	Công an tỉnh Hà Tĩnh	12/04/1992	Hà Tĩnh	XV23.2393
41	Nguyễn Đình Hiếu	271545288	04/04/2014	Công an tỉnh Đồng Nai	23/09/1983	Quảng Bình	XV23.2394
42	Nguyễn Thị Minh Hoà	017176673	04/05/2010	Công an TP. Hà Nội	28/01/1995	Hà Nội	XV23.2395
43	Lê Thị Hòa	077189000254	07/02/2020	Cục CS QLHC về TTXH	02/11/1989	Bà Rịa - Vũng Tàu	XV23.2396
44	Phạm Trần Hòa	040091006999	12/09/2022	Cục CS QLHC về TTXH	10/04/1991	Nghệ An	XV23.2397
45	Phan Thanh Hoàn	017121614	22/08/2012	Công an TP. Hà Nội	19/09/1992	Hà Nội	XV23.2398
46	Nguyễn Lục Gia Hoàng	095217732	03/02/2016	Công an tỉnh Bắc Kạn	26/11/1993	Bắc Kạn	XV23.2399
47	Trần Hoàng	272124169	30/08/2017	Công an tỉnh Đồng Nai	05/10/1989	Thanh Hóa	XV23.2400
48	Nguyễn Thái Minh Hoàng	048082000075	13/06/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	10/01/1982	Đà Nẵng	XV23.2401
49	Nguyễn Mạnh Hùng	187014817	04/02/2017	Công an tỉnh Nghệ An	04/10/1991	Nghệ An	XV23.2402
50	Nguyễn Tiến Hùng	026084001871	26/04/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	02/09/1984	Hà Nội	XV23.2403

51	Bùi Bằng Huy	001085030522	15/07/2019	Cục CS QLHC về TTXH	09/04/1985	Hà Nội	XV23.2404
52	Phan Thanh Huy	331499281	17/10/2020	Công an tỉnh Vĩnh Long	03/12/1986	Vĩnh Long	XV23.2405
53	Trần Nhật Huyền	014192014884	30/06/2022	Cục CS QLHC về TTXH	14/06/1992	Hà Nội	XV23.2406
54	Nguyễn Ngọc Hưng	038085019993	30/12/2019	Cục CS QLHC về TTXH	04/10/1985	Thanh Hóa	XV23.2407
55	Phùng Minh Hưng	281098081	13/06/2011	Công an tỉnh Bình Dương	02/11/1984	Bình Dương	XV23.2408
56	Vũ Thị Hương	037194000533	18/07/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	16/06/1994	Ninh Bình	XV23.2409
57	Nguyễn Thu Hường	013194451	30/10/2013	Công an TP. Hà Nội	20/11/1995	Hà Nội	XV23.2410
58	Lê Trung Kiên	001084039088	03/08/2020	Cục CS QLHC về TTXH	03/06/1984	Thanh Hóa	XV23.2411
59	Trần Đình Kiên	025085000630	20/11/2018	Cục CS QLHC về TTXH	12/12/1985	Phú Thọ	XV23.2412
60	Nguyễn Trung Kiên	034094008855	03/12/2019	Cục CS QLHC về TTXH	19/05/1994	Thái Bình	XV23.2413
61	Hoàng Mạnh Kương	033081000295	21/04/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	07/11/1981	Hưng Yên	XV23.2414
62	Nguyễn Hữu Khoa	017347151	27/12/2011	Công an TP. Hà Nội	31/10/1994	Hà Nội	XV23.2415
63	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	079081006422	17/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	21/10/1981	TP. Hồ Chí Minh	XV23.2416
64	Trịnh Thanh Khuy	036094000761	30/11/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	27/09/1994	Nam Định	XV23.2417
65	Trương Văn Khương	205683392	11/02/2009	Công an tỉnh Quảng Nam	21/04/1994	Quảng Nam	XV23.2418
66	Lê Đình Lan	038090000058	27/11/2014	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	17/06/1990	Thanh Hóa	XV23.2419
67	Tổng Thị Lan	036192000561	17/11/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	16/05/1992	Nam Định	XV23.2420
68	Phạm Thị Lê	151858813	08/06/2006	Công an tỉnh Thái Bình	29/09/1992	Thái Bình	XV23.2421

69	Mai Thanh Lịch	241397784	16/10/2019	Công an tỉnh Đắk Lắk	15/08/1994	Đắk Lắk	XV23.2422
70	Vũ Thị Liên	034191005309	06/08/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	05/01/1991	Thái Bình	XV23.2423
71	Nguyễn Thị Kim Liên	132062879	24/07/2007	Công an tỉnh Phú Thọ	27/12/1990	Phú Thọ	XV23.2424
72	Trương Ngọc Linh	168462883	24/06/2010	Công an tỉnh Hà Nam	06/03/1993	Hà Nam	XV23.2425
73	Đặng Duy Linh	132226071	28/09/2013	Công an tỉnh Phú Thọ	15/04/1994	Phú Thọ	XV23.2426
74	Nguyễn Thị Hồng Loan	331548107	18/06/2018	Công an tỉnh Vĩnh Long	18/04/1989	Vĩnh Long	XV23.2427
75	Đỗ Đức Lộc	012864823	22/06/2006	Công an TP. Hà Nội	02/04/1992	Hà Nội	XV23.2428
76	Ngô Tấn Lộc	381735875	04/04/2011	Công an tỉnh Cà Mau	21/10/1995	Cà Mau	XV23.2429
77	Trần Văn Luân	241138839	06/11/2013	Công an tỉnh Đắk Lắk	02/10/1991	Bình Định	XV23.2430
78	Hoàng Văn Mạnh	001085020014	15/06/2020	Cục CS QLHC về TTXH	30/06/1985	Hà Nội	XV23.2431
79	Nguyễn Đức Mạnh	013172796	06/04/2009	Công an TP. Hà Nội	17/04/1994	Hà Nội	XV23.2432
80	Nguyễn Đức Mạnh	135657368	09/06/2011	Công an tỉnh Vĩnh Phúc	17/12/1995	Vĩnh Phúc	XV23.2433
81	Bùi Quang Minh	091708958	01/07/2015	Công an tỉnh Thái Nguyên	14/10/1994	Thái Nguyên	XV23.2434
82	Lương Thị Mùi	184447303	17/05/2019	Công an tỉnh Hà Tĩnh	29/06/1991	Nghệ An	XV23.2435
83	Trần Văn Nam	122044562	08/03/2009	Công an tỉnh Bắc Giang	07/07/1992	Bắc Giang	XV23.2436
84	Phan Nhật Nam	231056679	27/09/2017	Công an tỉnh Gia Lai	22/12/1979	Bình Định	XV23.2437
85	Vũ Hải Nam	142574113	21/02/2013	Công an tỉnh Hải Dương	04/07/1991	Hải Dương	XV23.2438
86	Nguyễn Hoài Nam	001094018884	18/10/2020	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	24/07/1994	Hà Nội	XV23.2439

87	Hoàng Thiên Nga	011702753	02/07/2011	Công an TP. Hà Nội	08/12/1970	Hà Nội	XV23.2440
88	Trần Thị Nga	031731112	21/06/2008	Công an TP. Hải Phòng	20/04/1993	Hải Phòng	XV23.2441
89	Phạm Thu Ngân	036183005946	09/01/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	26/11/1986	Nam Định	XV23.2442
90	Nguyễn Minh Ngọc	017096682	14/08/2009	Công an TP. Hà Nội	11/05/1992	Hà Nội	XV23.2443
91	Lưu Phúc Nguyên	049084004068	02/10/2021	Cục CS QLHC về TTXH	16/02/1984	Quảng Nam	XV23.2444
92	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	201646954	18/04/2009	Công an TP. Đà Nẵng	09/07/1992	Thừa Thiên Huế	XV23.2445
93	Bùi Thị Mỹ Nhung	026071865	09/10/2015	Công an TP. Hồ Chí Minh	24/04/1989	Nam Định	XV23.2446
94	Nguyễn Thị Nhung	036193000369	23/09/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	17/11/1993	Nam Định	XV23.2447
95	Hồ Thị Nhung	187356090	27/06/2019	Công an tỉnh Nghệ An	12/02/1993	Nghệ An	XV23.2448
96	Lê Thị Tuyết Nhung	066195020899	27/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	16/08/1995	Quảng Trị	XV23.2449
97	Nguyễn Thị Oánh	033192002826	21/05/2019	Cục CS QLHC về TTXH	05/05/1992	Hưng Yên	XV23.2450
98	Lê Văn Phi	264292960	06/07/2019	Công an tỉnh Ninh Thuận	19/02/1990	Bình Định	XV23.2451
99	Vương Thanh Phong	024848453	03/11/2007	Công an TP. Hồ Chí Minh	03/10/1993	TP Hồ Chí Minh	XV23.2452
100	Nguyễn Hữu Phước	077091000644	26/12/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	02/01/1991	Bà Rịa Vũng Tàu	XV23.2453
101	Phạm Hoàng Phương	090920728	16/06/2017	Công an tỉnh Thái Nguyên	10/04/1986	Ninh Bình	XV23.2454
102	Đặng Thị Thu Phương	001179013209	08/07/2019	Cục CS QLHC về TTXH	05/06/1979	Hà Nội	XV23.2455
103	Lê Thị Phương	272353103	14/03/2013	Công an tỉnh Đồng Nai	09/08/1994	Nghệ An	XV23.2456
104	Nguyễn Văn Phương	031364043	26/03/2007	Công an TP. Hải Phòng	21/03/1984	Hải Phòng	XV23.2457

105	Huỳnh Thị Uyên Phương	048188000596	17/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	28/09/1988	Đà Nẵng	XV23.2458
106	Nguyễn Thị Phương	125400224	08/05/2007	Công an tỉnh Bắc Ninh	16/02/1992	Bắc Ninh	XV23.2459
107	Nguyễn Văn Phương	186753421	30/01/2020	Công an tỉnh Nghệ An	15/10/1988	Nghệ An	XV23.2460
108	Lê Đăng Quang	013187358	25/04/2009	Công an TP. Hà Nội	01/01/1988	Thanh Hóa	XV23.2461
109	Khiếu Đức Quân	034088009993	18/07/2019	Cục CS QLHC về TTXH	04/07/1988	Thái Bình	XV23.2462
110	Lê Gia Quý	038093011267	01/08/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	24/03/1993	Thanh Hóa	XV23.2463
111	Hồ Sỹ Quý	186923645	17/06/2017	Công an tỉnh Nghệ An	20/08/1991	Nghệ An	XV23.2464
112	Phạm Kim Quyết	187117895	10/06/2019	Công an tỉnh Nghệ An	28/04/1992	Nghệ An	XV23.2465
113	Hồ Thị Xuân Quỳnh	212370372	02/12/2010	Công an tỉnh Quảng Ngãi	15/11/1993	Quảng Ngãi	XV23.2466
114	Phạm Như Quỳnh	031194001612	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	28/05/1994	Hải Phòng	XV23.2467
115	Nguyễn Anh Sang	079085009283	03/07/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	29/05/1985	Hưng Yên	XV23.2468
116	Ngô Kim Sơn	038091012336	27/07/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	07/05/1991	Thanh Hóa	XV23.2469
117	Nguyễn Trường Sơn	001082009783	27/07/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	07/07/1982	Thái Bình	XV23.2470
118	Khương Minh Tiến	113618248	29/08/2011	Công an tỉnh Hòa Bình	08/11/1994	Hà Nội	XV23.2471
119	Nguyễn Thị Tiến	013307389	03/07/2013	Công an TP. Hà Nội	18/09/1993	Hà Nội	XV23.2472
120	Ngô Văn Toàn	163084879	01/12/2007	Công an tỉnh Nam Định	21/08/1990	Nam Định	XV23.2473
121	Tô Bửu Toàn	023354053	03/09/2011	Công an TP. Hồ Chí Minh	25/08/1980	TP Hồ Chí Minh	XV23.2474
122	Lê Anh Tuấn	042080013564	08/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH	09/08/1980	Hà Tĩnh	XV23.2475

123	Nguyễn Văn Tuấn	183936177	21/03/2018	Công an tỉnh Hà Tĩnh	08/04/1993	Hà Tĩnh	XV23.2476
124	Lê Quốc Tuấn	225073667	09/12/2016	Công an tỉnh Khánh Hòa	03/07/1978	Khánh Hòa	XV23.2477
125	Trần Văn Tùng	012962087	18/04/2007	Công an TP. Hà Nội	17/05/1993	Hà Nội	XV23.2478
126	Cao Sơn Tùng	001094018108	30/07/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	19/10/1994	Quảng Ngãi	XV23.2479
127	Vũ Văn Tiến Tuyền	145456177	07/03/2013	Công an tỉnh Hưng Yên	06/11/1991	Hưng Yên	XV23.2480
128	Hoàng Thị Kim Tuyền	008192000206	13/11/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	04/10/1992	Tuyên Quang	XV23.2481
129	Nguyễn Duy Thanh	281171238	05/07/2018	Công an tỉnh Bình Dương	16/06/1990	Hải Dương	XV23.2482
130	Biện Văn Thành	186116161	19/01/2016	Công an tỉnh Nghệ An	06/09/1983	Nghệ An	XV23.2483
131	Nguyễn Phương Thảo	142662112	18/06/2008	Công an tỉnh Hải Dương	01/08/1993	Hải Dương	XV23.2484
132	Đỗ Thanh Thảo	049189013367	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	30/12/1989	Quảng Nam	XV23.2485
133	Trần Đình Thiệp	101308302	05/11/2013	Công an tỉnh Quảng Ninh	20/10/1994	Hải Dương	XV23.2486
134	Phan Văn Thông	187349573	27/10/2016	Công an tỉnh Nghệ An	19/12/1993	Nghệ An	XV23.2487
135	Hoàng Thị Thu Thủy	187245650	18/12/2019	Công an tỉnh Nghệ An	20/04/1995	Nghệ An	XV23.2488
136	Đào Thị Thanh Thủy	031195004085	10/10/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	07/10/1995	Hải Phòng	XV23.2489
137	Nguyễn Thị Thanh Thủy	066193000197	08/04/2019	Cục CS QLHC về TTXH	25/10/1993	Bắc Ninh	XV23.2490
138	Nguyễn Phương Thúy	037189005335	14/08/2020	Cục CS QLHC về TTXH	09/04/1989	Ninh Bình	XV23.2491
139	Đặng Thị Thương	033193002976	20/06/2019	Cục CS QLHC về TTXH	18/10/1993	Hưng Yên	XV23.2492
140	Phạm Thu Trang	012222813	15/10/2007	Công an TP. Hà Nội	20/10/1984	Hà Nội	XV23.2493

141	Nguyễn Thu Trang	001188017397	08/05/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	28/01/1988	Hòa Bình	XV23.2494
142	Trần Thị Quỳnh Trang	186630986	28/08/2010	Công an tỉnh Nghệ An	27/08/1993	Nghệ An	XV23.2495
143	Nguyễn Thị Huyền Trang	040194018716	27/09/2021	Cục CS QLHC về TTXH	06/08/1994	Nghệ An	XV23.2496
144	Trương Thị Bích Trâm	051188012541	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	02/10/1988	Quảng Nam	XV23.2497
145	Nguyễn Hữu Trân	201132083	01/08/2019	Công an TP. Đà Nẵng	20/10/1973	Đà Nẵng	XV23.2498
146	Nguyễn Thị Ái Trinh	271977870	24/03/2020	Công an tỉnh Đồng Nai	01/01/1989	Quảng Ngãi	XV23.2499
147	Nguyễn Thành Trung	172919118	15/09/2006	Công an tỉnh Thanh Hóa	24/11/1989	Thanh Hóa	XV23.2500
148	Phạm Đình Trung	351861945	17/01/2012	Công an tỉnh An Giang	16/06/1990	An Giang	XV23.2501
149	Nguyễn Viết Trung	049084005000	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	21/09/1984	Quảng Nam	XV23.2502
150	Nguyễn Xuân Trường	063218903	22/06/2009	Công an tỉnh Lào Cai	08/07/1987	Vĩnh Phúc	XV23.2503
151	Nguyễn Văn Vân	038090009221	18/10/2017	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	19/05/1990	Thanh Hóa	XV23.2504
152	Nguyễn Thị Hoàng Vân	233048038	22/4/2014	Công an tỉnh Kontum	07/12/1982	Bình Định	XV23.2505
153	Nguyễn Thị Vân	091810636	08/01/2010	Công an tỉnh Thái Nguyên	21/07/1992	Thái Nguyên	XV23.2506
154	Nguyễn Thị Ngọc Viễn	205659415	25/07/2009	Công an tỉnh Quảng Nam	01/12/1993	Quảng Nam	XV23.2507
155	Ngô Hoàng Việt	001084012412	17/12/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	23/08/1984	Hà Nam	XV23.2508
156	Nguyễn Đình Việt	205608437	09/11/2019	Công an tỉnh Quảng Nam	08/01/1993	Quảng Nam	XV23.2509
157	Hồ Quang Việt	201418101	23/06/2020	Công an TP. Đà Nẵng	03/09/1978	Quảng Nam	XV23.2510
158	Đoàn Văn Vũ	031090003376	19/04/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	19/09/1990	Hải Phòng	XV23.2511

159	Trần Vũ	036093000089	22/06/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	21/08/1993	Nam Định	XV23.2512
160	Nguyễn Anh Vũ	012908059	02/08/2006	Công an TP. Hà Nội	10/01/1992	Thái Bình	XV23.2513
161	Trần Minh Vũ	201711547	12/11/2012	Công an TP. Đà Nẵng	08/09/1980	Quảng Ngãi	XV23.2514